

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2023/HC-PT

Ngày: 13-6-2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Ông Nguyễn Tấn Trường

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 245/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2277/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Đặng Thanh V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Thanh V: Bà Lê Thị Thúy K, sinh năm: 1994; Địa chỉ: C L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

1.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: Ông Đặng Thanh V, sinh năm 1978 (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020).

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ông V có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân huyện B.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Ung Đình H; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện B. (Theo Văn bản ủy quyền số 2284/UBND-NC ngày 09/8/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Bùi Thị H1; chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số C P, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân xã B, huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H2; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã B. (Theo Văn bản ủy quyền số 07/GUQ-UBND ngày 08/8/2022). Địa chỉ: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Giám đốc Ban Q xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: B V, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020, ngày 22/9/2020, các đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 2013 vợ chồng ông nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất thổ cư có nhà ở ổn định của ông Nguyễn Văn V1 thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 17 ở xã B diện tích 524m², loại đất ở nông thôn (ONT). Nguyên thửa đất này là của bà Lương Thị L số thửa 1059, tờ bản đồ số 7 xã B, loại đất thổ cư (T), diện tích 1.700m², đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg năm 1985, đăng ký trong sổ mục kê ruộng đất xã (sổ 5b). Đến năm 2003 chỉnh lý đo vẽ trích lục bản đồ số thửa mới là 800, tờ bản đồ số 17 xã B, loại đất thổ cư (T), diện tích 791m². Thửa đất của ông được tách ra từ thửa đất này. Như vậy, thửa đất của bà Lương Thị L toàn bộ diện tích thửa đất là đất thổ cư thì thửa

đất số 1405 của ông cũng là đất thổ cư ở nông thôn (ONT). Nhưng các cấp có thẩm quyền xác định thu hồi loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK) loại đất nông nghiệp áp giá đền bù 30.000đ/m² và hỗ trợ 50% giá đất ở 500.000đ/m² là không đúng nguồn gốc đất như ông đã trình bày ở trên. Vì là đất thổ cư, không phải đất nông nghiệp nên UBND huyện B ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 thu hồi diện tích 79m², loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK) và Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Thanh V với tổng giá trị bồi thường là 45.539.018đ (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn không trăm mười tám đồng), trong đó áp đặt giá đất của diện tích 79m² là loại đất trồng cây hàng năm khác (HNK) với giá là 30.000đ/m² + hỗ trợ 50% giá đất ở 500.000đ/m² = 280.000đ/m² (Hai trăm tám mươi ngàn đồng). Trị giá bồi thường về đất 22.120.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) là không đúng pháp luật.

Theo thông tin ông được biết, giá đất biến động thực tế thị trường năm 2016 là 3.326.000đ (theo giá đất ông Nguyễn Tấn M đã trúng đấu giá tại Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 60/HĐMBTSBDG ngày 27/4/2016 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn với ông Nguyễn Tấn M). Vị trí đất của gia đình ông cùng vị trí với thửa đất của ông M nên giá trị đất tương đương 79m² x 3.326.000đ = 262.754.000đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi tư ngàn đồng), nhưng UBND huyện B áp đặt giá đất là loại HNK phần đất mặt tiền ONT của ông có giấy CNQSD đất hợp pháp là không đúng với mục đích sử dụng và giá trị đất có trong giấy CNQSD. Giá trị đền bù đất theo Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 là không thực tế, không thỏa đáng, quá chênh lệch làm thiệt hại kinh tế gia đình ông rất lớn. Bờ thửa đất này vợ chồng ông đã đầu tư để mua lại với đúng giá trị của nó trong giấy CNQSD đất.

Ông đã gửi đơn khiếu nại đến UBND huyện B đề nghị xem xét, nhưng Chủ tịch UBND huyện B trả lời cho ông không đúng pháp luật, đồng thời ra Quyết định cưỡng chế số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 thu hồi phần đất trên. Ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Q, Chủ tịch UBND tỉnh trả lời: “*Thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền UBND huyện B*”. Ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại (qua bưu điện) đến UBND huyện B nhưng đến nay UBND huyện không trả lời.

Ngày 22/9/2020, ông khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 30/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định đình chỉ vụ án hành chính số 09/2021/QĐST-HC vì cho rằng nội dung khởi kiện của ông hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Ông tiếp tục kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Quyết định số 09 nói trên. Ngày 08/12/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định số 274/2021/QĐPT-HC hủy Quyết định đình chỉ số 09/2021/QĐST-HC ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và giao vụ án cho Tòa án tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại. Do đó, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), ở xã B.

- Hủy một phần Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt E) cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), địa chỉ thôn X, xã B – phần bồi thường về giá đất.

- Hủy Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V, ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**Tại công văn số 3057/UBND ngày 11/12/2020, công văn số 1332/UBND ngày 24/05/2021, công văn 1056/UBND ngày 27/04/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch UBND huyện B trình bày:*

Tóm tắt quá trình sử dụng: Hộ ông Đặng Thanh V đang sử dụng thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 3 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở T1 thẩm định ngày 14/7/2017), xã B. Diện tích thửa đất 592m²; diện tích thu hồi 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), diện tích còn lại 513m² đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Đặng Thanh V ngày 28/10/2013 theo số phát hành BL 133530 thuộc thửa đất 1405, tờ bản đồ 17, diện tích 524m², trong đó: Đất ở nông thôn 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 424m².

Nguồn gốc thửa đất theo UBND xã B xác nhận: Nguyên thửa đất này ông, bà lưu hạ trước năm 1975 cho hộ ông Nguyễn T đã được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T có số vào sổ 00493 thuộc thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 7, diện tích 1400m², sau đó ông Nguyễn T có tặng cho toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Văn V1, đến năm 2013 ông Nguyễn Văn V1 chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Đặng Thanh V sử dụng vào mục đích đất ở ổn định liên tục mãi đến nay, không ai tranh chấp.

Từ nguồn gốc nêu trên xác định thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 7, diện tích 1400m², thửa đất này ông, bà lưu hạ trước năm 1975 cho hộ ông Nguyễn T (cha ruột của ông Nguyễn Văn V1), sau đó ông Nguyễn T có tặng cho toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Văn V1 sử dụng mãi đến năm 2013 ông Nguyễn Văn V1 chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Đặng Thanh V sử dụng vào mục đích đất ở ổn định liên tục mãi đến nay.

Trước khi ông Nguyễn Văn V1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đặng Thanh V vào năm 2013 thì ông Nguyễn Văn V1 có kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH 00639 thuộc thửa đất số 800, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.467m², cấp ngày 26/8/2013.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận ông Nguyễn Văn V1 lập thủ tục tách thửa đất thành 02 thửa, gồm thửa đất số 1404, tờ bản đồ số 17, diện tích 943m² và thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 17, diện tích 524m² và chuyển nhượng thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 17, diện tích 524m² cho ông Đặng Thanh V.

Quá trình thực hiện thu hồi đất và kê khai bồi thường, hỗ trợ tại thửa đất trên:

Trên cơ sở kết quả xác nhận của UBND xã B tại thời điểm triển khai thực hiện công tác kiểm kê, áp giá bồi thường xác định nguồn gốc thửa đất và bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/7/2017, xã B là do hộ ông Đặng Thanh V sử dụng, tình trạng tranh chấp: không. Theo đó, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), ở xã B để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A đoạn Km 1027-Km 1045+780 tỉnh Quảng Ngãi với diện tích thu hồi là 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK); UBND huyện đã phê duyệt bồi thường chi tiết cho hộ ông Đặng Thanh V tại Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 với tổng số tiền là 45.539.018 đồng.

Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc thu hồi đất đang sử dụng của ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N bàn giao theo biên bản lập ngày 10/10/2017;

Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N) bàn giao theo biên bản lập ngày 29/5/2018;

Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V bàn giao theo biên bản lập ngày 14/11/2018.

Từ những nội dung nêu trên UBND huyện nhận thấy: Việc hộ ông Đặng Thanh V cho rằng đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc vị trí 1 giá 30.000 đồng/m² là thấp đề nghị bồi thường giá đất ở 500.000 đồng/m²; hỗ trợ 100% đất vườn cùng thửa đất ở là không có cơ sở xem xét vì theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 thì diện tích đất thu hồi 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc vị trí 1 có đơn giá 30.000 đồng/m²; Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 về việc hỗ trợ đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở được áp dụng theo đơn giá hỗ trợ 50% × 500.000 đồng quy định tại khoản 19 Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q. Việc xác định diện tích, loại đất, vị trí đất nông nghiệp để thu hồi đất cho hộ ông Đặng Thanh V là căn cứ vào Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/7/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế công tác kiểm kê; đề nghị của UBND xã B, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông. Do đó, việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), ở xã B để thực hiện

dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A đoạn Km 1027-Km 1045+780 tỉnh Quảng Ngãi với diện tích thu hồi là 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) và UBND huyện đã phê duyệt bồi thường chi tiết cho hộ ông Đặng Thanh V tại Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 với tổng số tiền là 45.539.018 đồng là đảm bảo đúng theo quy định.

Trên cơ sở UBND xã B và U hộ ông Đặng Thanh V nhận tiền bồi thường, bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, hộ ông Đặng Thanh V không thống nhất nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. Do đó, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và UBND xã B đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất được phòng Tư pháp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiểm tra trình tự, thủ tục thực hiện hồ sơ thu hồi đất đảm bảo theo quy định nên việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V ở xã B, huyện B là đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

** Tại công văn số 64/UBND ngày 25/01/2021, công văn số 115/UBND ngày 13/5/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã B trình bày như sau:*

Hộ ông Đặng Thanh V đang sử dụng thửa đất số 1405, tờ bản đồ số 3 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở T1 thẩm định ngày 14/7/2017), xã B. Diện tích thửa đất 592m²; diện tích thu hồi 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK), diện tích còn lại 513m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Thanh V ngày 28/10/2013 theo số phát hành BL 133530 thuộc thửa đất 1405, tờ bản đồ 17, diện tích 524m², trong đó: Đất ở nông thôn 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 424m².

Nguồn gốc hình thành thửa đất: Nguyên thửa đất này là đất ông bà lưu hạ trước năm 1975 cho gia đình ông Nguyễn T đã được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn T tại thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 7, diện tích 1400m², trong đó đất ONT = 200m², đất BHK = 1.200 m², sau đó đã thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn V1 sử dụng đến năm 2013 ông Nguyễn Văn V1 chuyển nhượng cho ông Đặng Thanh V tiếp tục sử dụng vào mục đích đất ở ổn định, liên tục đến nay, không ai tranh chấp. Trong quá trình sử dụng tại thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.100m² thì bà Lương Thị L (vợ ông Nguyễn T) đăng ký trong Sổ đăng ký ruộng đất 5b.

Ý kiến của UBND xã B đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V: Việc hộ ông Đặng Thanh V cho rằng đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc vị trí 1, đơn giá 30.000 đồng/m² là thấp đề nghị bồi thường giá đất ở 500.000 đồng/m²; hỗ trợ 100% đất vườn cùng thửa đất ở là không có cơ sở xem xét, vì theo Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 thì diện tích đất thu hồi 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) thuộc vị trí 1 có đơn giá 30.000 đồng/m², Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 và việc hỗ trợ đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở được áp dụng theo đơn giá hỗ trợ 50% x 500.000 đồng quy định tại khoản

19 Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ - UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q. Việc xác định diện tích, loại đất, vị trí đất nông nghiệp để thu hồi đất cho hộ ông Đặng Thanh V là căn cứ vào Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 14/7/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế công tác kiểm kê, đề nghị của UBND xã B, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông. Do đó, việc UBND huyện B ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), ở xã B để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A đoạn Km1027-Km 1045 + 780 tỉnh Quảng Ngãi với diện tích thu hồi là 79m², loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) và UBND huyện đã phê duyệt bồi thường chi tiết cho hộ ông Đặng Thanh V tại Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 với tổng số tiền là 45.539.018 đồng là đảm bảo đúng theo quy định. UBND xã B đã vận động hộ ông Đặng Thanh V nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, hộ ông Đặng Thanh V không thống nhất nhận tiền và không bàn giao mặt bằng nên Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và UBND xã B đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất được phòng Tư pháp huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiểm tra trình tự, thủ tục thực hiện hồ sơ thu hồi đất đảm bảo theo quy định. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V ở xã B, huyện B là đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có văn bản trình bày như sau (gọi tắt Ban quản lý tỉnh Q):* Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có cung cấp bản luận cứ: Nội dung luận cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N.

Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 143; Điều 165; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; các Điều 11, 62, 63, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 74, 75, 76, 77 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện sau đây của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N.

- Hủy một phần Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt E) cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), địa chỉ thôn X, xã B – phần liên quan về bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu, các khoản hỗ trợ.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N về yêu cầu hủy các quyết định:

- Hủy Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), ở xã B;

- Hủy một phần Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A đoạn Km 1027-Km1045+780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt E) cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), địa chỉ thôn X, xã B – phần bồi thường về giá đất.

- Hủy Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V, ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/8/2022, người khởi kiện ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N; ông Đặng Thanh V do bà Lê Thị Thúy K đại diện theo uỷ quyền, bà Nguyễn Thị N do ông Đặng Thanh V đại diện theo uỷ quyền đều giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà Lê Thị Thúy K và ông Đặng Thanh V cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ chứng cứ do người khởi kiện cung cấp dẫn đến việc xem xét không có căn cứ, thiếu khách quan nên yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N về việc hủy Quyết định số 1298/QĐ- UBND ngày 06/9/2017, hủy một phần Quyết định số

2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 (liên quan đến phần bồi thường về đất) của UBND huyện B và huỷ Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, một số đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác đã được triệu tập hợp lệ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Đây là phiên toà phúc thẩm mở lần thứ ba, xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Nguyên thửa đất số 1405 là một phần của thửa đất số 1059 do ông bà lưu hạ trước năm 1975 cho hộ ông Nguyễn T (cha ruột ông Nguyễn Văn V1) do bà Lương Thị L (vợ ông Nguyễn T) đứng tên trong sổ đăng ký 5b, diện tích 1.700m², loại đất T. Ngày 22/12/1997, ông Nguyễn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00493 đối với thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.400m²; trong đó 200m² đất ở và 1.200m² đất vườn. Sau đó, ông Nguyễn Thuận t cho toàn bộ diện tích đất cho con là ông Nguyễn Văn V1. Ngày 26/8/2013, ông Nguyễn Văn V1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00639 đối với thửa đất số 800, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.467m². Sau đó, ông V1 lập thủ tục tách thửa đất số 800 thành hai thửa: Thửa đất số 1404, diện tích 943m², trong đó 100m² đất ở và 843m² đất vườn và thửa đất số 1405, diện tích 524m², trong đó 100m² đất ở và 424m² đất vườn. Ông V1 chuyển nhượng thửa đất số 1405 cho ông Đặng Thanh V. Ngày 28/10/2013, UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 133530 cho ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 1045, diện tích 524m²; trong đó đất ở nông thôn 100m² và đất trồng cây hằng năm khác 424m².

Năm 2016, thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A đoạn km 1027 – km 1045 + 780 tại tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 26/9/2017, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1298/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N) xã B, huyện B với tổng giá trị bồi thường hỗ trợ theo

phương án được duyệt 45.539.018 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn không trăm mười tám đồng).

Ông V, bà N cho rằng diện tích thu hồi của gia đình ông bà là đất ở, không phải là đất trồng cây hằng năm, vì thửa đất số 1045 là một phần của thửa đất 1059 được đăng ký theo Chỉ thị số 299/TTg là đất T, do bà Lương Thị L (vợ ông Nguyễn T) đứng tên đăng ký trong sổ 5b. Nhưng xét, mặc dù thửa đất số 1059, diện tích 1.700m² do bà Lương Thị L đứng tên trong sổ 5b có đăng ký 299/TTg là đất T, nhưng khi ông Nguyễn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với thửa đất 1059, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.400m², trong đó 200m² đất ở và 1.200m² đất vườn. Khi ông Nguyễn T cho đất ông Nguyễn Văn V1, ông V1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng với diện tích 200m² đất ở; ông V1 tách thành 02 thửa đất, trong đó có thửa đất 1405 chuyển nhượng cho ông Đặng Thanh V. Ông V, bà N được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất trên, trong đó 100m² đất ở. Phần đất thu hồi của ông V, bà N trên đất không có nhà ở. Do đó, ông V, bà N yêu cầu bồi thường diện tích đất thu hồi 79m² bằng đất ở là không có cơ sở.

Do ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N không tự nguyện bàn giao đất bị thu hồi nên ngày 14/11/2018 Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 2626/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ.

Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N là hoàn toàn đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 143, Điều 165, Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; các Điều 11, 62, 63, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 74, 75, 76, 77 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh V, bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu huỷ các quyết định sau:

- Huỷ Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND huyện B việc thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N) ở xã B.

- Huỷ một phần Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND huyện B về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N) xã B, huyện B kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ A đoạn km 1027 – km 1045 + 780 tỉnh Quảng Ngãi, đoạn qua xã B, huyện B (đợt E) cho hộ ông Đặng Thanh V (vợ Nguyễn Thị N), địa chỉ thôn X, xã B phần bồi thường về giá đất.

- Huỷ Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Thanh V ở xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí: Ông Đặng Thanh V và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng ông V, bà N đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0004006 ngày 16/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm